



CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

đã được soát xét

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINACIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29 Hoàng Sa, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 28) 3910 4880
CN phía Bắc: LK7-TT2, 96B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội. Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84 24) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019

đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	6 – 42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 42

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thái Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Vũ Thanh Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Bà Trần Thu Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Bùi Hoàng Việt Anh	Ủy viên	

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đinh Tiến Thành	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Xuân Hà	Giám đốc điều hành	Đến ngày 01 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đinh Tiến Thành

Số: 199./2019/BCSX-AASCN.PB

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 15 tháng 11 năm 2019, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long là công ty con của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 100%) chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 2.873.734.538 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên thì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long lỗ thêm 2.873.734.538 đồng. Theo đó, trên Báo cáo tài chính hợp nhất, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" (mã số 26) tăng thêm với số tiền 2.873.734.538 đồng, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (mã số 50) và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) cùng giảm đi với số tiền 2.873.734.538 đồng; các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" (mã số 137) tăng thêm 2.873.734.538 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) giảm đi số tiền 2.873.734.538 đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		103.915.072.954	94.567.430.868
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.040.470.458	4.418.018.988
1.	Tiền	111	V.01	6.040.470.458	4.418.018.988
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.400.628.017	22.429.263.103
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.955.824.249	20.023.492.030
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.843.377.461	326.882.236
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	949.945.386	2.427.523.476
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(348.634.639)	(348.634.639)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		115.560	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	86.095.565.074	67.630.077.824
1.	Hàng tồn kho	141		86.095.565.074	67.630.077.824
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.378.409.405	90.070.953
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	6.700.200	59.194.883
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		355.086.100	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.016.623.105	30.876.070
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.777.909.816	44.349.623.128
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		210.880.000	115.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	210.880.000	115.000.000
II.	Tài sản cố định	220		19.087.564.803	19.255.729.690
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.487.149.844	17.566.627.233
	- Nguyên giá	222		58.092.762.616	57.024.161.707
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(40.605.612.772)	(39.457.534.474)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1.595.444.445	1.681.944.445
	- Nguyên giá	225		1.730.000.000	1.730.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(134.555.555)	(48.055.555)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.970.514	7.158.012
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(90.029.486)	(87.841.988)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	2.944.626.275	2.666.913.531
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.944.626.275	2.666.913.531
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	420.000.000	842.917.686
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02a	-	422.917.686
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02b	1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02b	(780.000.000)	(780.000.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.114.838.738	21.469.062.221
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	20.823.197.195	21.469.062.221
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		291.641.543	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.692.982.770	138.917.053.996

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		102.271.705.843	82.739.971.957
I.	Nợ ngắn hạn	310		100.518.105.039	80.391.935.076
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	26.370.161	3.830.738.551
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	6.026.303.464	332.054.193
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	260.251.796	13.219.270.717
4.	Phải trả người lao động	314		584.135.841	496.684.540
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	70.541.266
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	860.036.364	1.808.239.395
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	552.949.990	420.806.726
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	91.840.034.673	60.213.599.688
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		368.022.750	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.753.600.804	2.348.036.881
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	1.753.600.804	2.348.036.881
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.421.276.927	56.177.082.039
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	45.421.276.927	56.177.082.039
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.599.920.000	50.599.920.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.599.920.000	50.599.920.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.179.255.815)	4.101.406.578
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		478.131.794	459.043.125
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5.657.387.609)	3.642.363.453
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		612.742	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.692.982.770	138.917.053.996

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Đinh Tiến Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	30.579.607.934	47.152.427.645
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	422.780.356	127.452.970
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.156.827.578	47.024.974.675
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	27.800.492.521	22.117.533.708
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.356.335.057	24.907.440.967
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	17.196.501	305.194.644
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	3.748.736.457	4.831.334.603
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.748.736.457	3.631.334.603
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(395.952.305)	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.765.439.440	1.380.909.631
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.107.991.586	3.584.249.233
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.644.588.230)	15.416.142.144
12.	Thu nhập khác	31		333.148	74.524
13.	Chi phí khác	32	VI.06	13.119.016	244.781.946
14.	Lợi nhuận khác	40		(12.785.868)	(244.707.422)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.657.374.098)	15.171.434.722
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	-	4.587.812.478
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.657.374.098)	10.583.622.244
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(5.657.387.609)	10.583.622.244
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.511	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	(1.118)	2.104
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(1.118)	2.104

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Tổng Giám đốc



Đinh Tiến Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(5.657.374.098)	15.171.434.722
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.236.765.796	1.099.474.714
-	Các khoản dự phòng	03		-	1.200.000.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.196.501)	(305.194.644)
-	Chi phí lãi vay	06		3.748.736.457	3.631.334.603
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(689.068.346)	20.797.049.395
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.220.377.225	13.539.505.720
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.840.382.654)	(10.276.720.614)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(20.060.697.990)	(17.549.992.651)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		115.076.623	(85.556.927)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.781.966.576)	(3.587.938.005)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.164.799.311)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.200.000)	(2.071.535.045)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.038.861.718)	(4.399.987.438)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.453.800.201)	(527.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.196.501	305.194.644
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.436.603.700)	(221.805.356)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		64.741.843.091	38.319.266.652
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.467.644.175)	(34.444.635.147)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(242.200.008)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.934.082.020)	(2.843.873.475)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		28.097.916.888	1.030.758.030
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		1.622.451.470	(3.591.034.764)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.418.018.988	4.317.824.263
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		6.040.470.458	726.789.499

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hoàng Liên



Trần Thị Hoàng Liên



Đinh Tiến Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến 30 tháng 9 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (*)	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	99%	99%	45%

(*) Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long mua 32.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần TMDV Vang Thăng Long với giá mua 324.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 54% quyền biểu sở hữu, nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long lên 99%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (*)	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	-	-	45%

- (*) Đến ngày 19 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 ăm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối kỳ trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	6.040.470.458	4.418.018.988
+ Tiền mặt	387.809.491	463.923.486
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.652.660.967	3.954.095.502
Cộng	6.040.470.458	4.418.018.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (*)	-	-	-	45%	270.000.000	422.917.686
Cộng		-	-		270.000.000	422.917.686

(*) Trong kỳ, Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long mua 32.400 cổ phiếu của Công ty Cổ phần TMDV Vang Thăng Long với giá mua 324.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 54% quyền biểu sở hữu, nâng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long lên 99%. Do đó, tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long là Công ty con.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm		
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro (a)	2,5%	1.000.000.000	(580.000.000)		2,5%	1.000.000.000	(580.000.000)
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,8%	200.000.000	(200.000.000)		4,8%	200.000.000	(200.000.000)
Cộng		1.200.000.000	(780.000.000)			1.200.000.000	(780.000.000)

(a): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 4.200 đồng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 100.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 9 năm 2019.

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư:

Tên Công ty	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị phần vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động chính trong năm
Đầu tư vào đơn vị khác			
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	32.978.600.000	1.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh rượu
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4.201.680.672	200.000.000	Không phát sinh hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.955.824.249	20.023.492.030
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.203.184.496	2.302.684.496
- Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	1.100.641.080	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	13.179.767.802
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	4.651.998.673	4.541.039.732
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	7.955.824.249	20.023.492.030
Trong đó:		
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	13.179.767.802
Cộng	-	13.179.767.802

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.843.377.461	326.882.236
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Xây dựng	198.000.000	198.000.000
- Keller Juice srl Unipersonale	1.020.071.858	-
- Công ty TNHH Cơ khí Hưng Toàn	237.600.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	387.705.603	128.882.236
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	1.843.377.461	326.882.236

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	949.945.386	-	2.427.523.476	-
- Tạm ứng	739.979.254	-	683.893.942	-
- Phải thu khác	31.871.439	-	1.743.629.534	-
b. Dài hạn	210.880.000	-	115.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	210.880.000	-	115.000.000	-
Cộng	1.160.825.386	-	2.542.523.476	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.627.207.372	-	6.389.845.700	-
- Công cụ, dụng cụ	333.880.334	-	258.758.369	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.541.370.832	-	45.443.937.291	-
- Thành phẩm	10.418.522.828	-	10.067.420.047	-
- Hàng hoá	6.057.617.337	-	1.513.930.196	-
- Hàng gửi đi bán	3.116.966.371	-	3.956.186.221	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	86.095.565.074	-	67.630.077.824	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xây dựng cơ bản	2.944.626.275	2.666.913.531
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	2.933.279.275	2.548.079.983
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	11.347.000	11.347.000
+ Dự án Nhà máy SX Vang ở Lệ Chi	-	107.486.548
Cộng	2.944.626.275	2.666.913.531

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.735.914.367</i>	<i>37.809.841.608</i>	<i>3.182.444.262</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>57.024.161.707</i>
- Mua trong kỳ	-	61.550.000	1.007.050.909	-	-	1.068.600.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>13.735.914.367</i>	<i>37.871.391.608</i>	<i>4.189.495.171</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>58.092.762.616</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.738.446.345</i>	<i>24.737.770.264</i>	<i>1.989.591.646</i>	<i>347.730.443</i>	<i>1.643.995.776</i>	<i>39.457.534.474</i>
- Khấu hao trong kỳ	161.316.004	782.051.987	126.810.234	1.509.375	76.390.698	1.148.078.298
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>10.899.762.349</i>	<i>25.519.822.251</i>	<i>2.116.401.880</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.720.386.474</i>	<i>40.605.612.772</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>2.997.468.022</i>	<i>13.072.071.344</i>	<i>1.192.852.616</i>	<i>1.509.375</i>	<i>302.725.876</i>	<i>17.566.627.233</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>2.836.152.018</i>	<i>12.351.569.357</i>	<i>2.073.093.291</i>	-	<i>226.335.178</i>	<i>17.487.149.844</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 25.941.865.323 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 26.280.286.215 đồng và 10.305.748.152 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>		
- Thuê tài chính trong năm	1.730.000.000	1.730.000.000
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
	1.730.000.000	1.730.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>		
- Khấu hao trong năm	48.055.555	48.055.555
- Giảm khác	86.500.000	86.500.000
<i>Số dư cuối năm</i>	-	-
	134.555.555	134.555.555
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	1.681.944.445	1.681.944.445
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.595.444.445	1.595.444.445

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	60.000.000	35.000.000	95.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	60.000.000	27.841.988	87.841.988
- Khấu hao trong kỳ	-	2.187.498	2.187.498
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	60.000.000	30.029.486	90.029.486
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	7.158.012	7.158.012
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	4.970.514	4.970.514

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	6.700.200	59.194.883
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	5.723.864
- Phí bảo hiểm	5.985.600	23.174.619
- Các khoản khác	714.600	30.296.400
b. Dài hạn	20.823.197.195	21.469.062.221
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	537.386.165	494.343.044
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	18.846.696.092	19.104.399.680
- Chi phí sửa chữa	351.775.805	575.053.865
- Chi phí khác	1.087.339.133	1.298.265.632
Cộng	20.829.897.395	21.528.257.104

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	60.213.599.688	60.213.599.688	65.346.211.534	33.719.776.549	91.840.034.673	91.840.034.673
- Vay ngân hàng	32.627.092.217	32.627.092.217	43.484.546.765	14.660.834.117	61.450.804.865	61.450.804.865
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ (a)	9.009.859.816	9.009.859.816	1.335.313.941	964.501.298	9.380.672.459	9.380.672.459
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (b)	7.071.815.032	7.071.815.032	2.559.921.173	1.371.000.000	8.260.736.205	8.260.736.205
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (c)	10.755.332.819	10.755.332.819	15.384.495.750	10.755.332.819	15.384.495.750	15.384.495.750
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (d)	5.790.084.550	5.790.084.550	24.204.815.901	1.570.000.000	28.424.900.451	28.424.900.451
- Vay đối tượng khác	26.102.471.399	26.102.471.399	20.502.428.692	18.278.684.395	28.326.215.696	28.326.215.696
+ Các cá nhân (e)	26.102.471.399	26.102.471.399	20.502.428.692	18.278.684.395	28.326.215.696	28.326.215.696
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.484.036.072	1.484.036.072	1.359.236.077	780.258.037	2.063.014.112	2.063.014.112
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (f)	609.836.064	609.836.064	609.836.064	304.918.032	914.754.096	914.754.096
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (g)	392.000.000	392.000.000	196.000.000	196.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (h)	240.000.000	240.000.000	120.000.000	120.000.000	240.000.000	240.000.000
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam (k)	242.200.008	242.200.008	242.200.008	121.100.004	363.300.012	363.300.012
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (i)	-	-	191.200.005	38.240.001	152.960.004	152.960.004

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.348.036.881	2.348.036.881	764.800.000	1.359.236.077	1.753.600.804	1.753.600.804
b.1 vay dài hạn	1.439.786.891	1.439.786.891	764.800.000	1.117.036.069	1.087.550.822	1.087.550.822
Từ 1 năm đến 5 năm	1.439.786.891	1.439.786.891	764.800.000	1.117.036.069	1.087.550.822	1.087.550.822
- Vay ngân hàng	1.439.786.891	1.439.786.891	764.800.000	1.117.036.069	1.087.550.822	1.087.550.822
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong (f)	932.786.891	932.786.891	-	609.836.064	322.950.827	322.950.827
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn (g)	294.000.000	294.000.000	-	196.000.000	98.000.000	98.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (h)	213.000.000	213.000.000	-	120.000.000	93.000.000	93.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội (i)	-	-	764.800.000	191.200.005	573.599.995	573.599.995
b.2 Nợ thuê tài chính	908.249.990	908.249.990	-	242.200.008	666.049.982	666.049.982
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam (k)	908.249.990	908.249.990	-	242.200.008	666.049.982	666.049.982
Cộng	62.561.636.569	62.561.636.569	66.111.011.534	35.079.012.626	93.593.635.477	93.593.635.477

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ theo hợp đồng tín dụng số 28292.18.004.736671.TD ngày 18/9/2018 để bổ sung vốn lưu động với hạn mức 10.000.000.000 đồng. Lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- (b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/259662/HĐTDHM ngày 22/6/2018, để bổ sung vốn lưu động với hạn mức là 20.000.000.000 đồng. Lãi suất vay trong năm là 10,9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- (c): Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 283/2018/HĐTD/TLG/01 ngày 10/5/2018 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 9,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (d): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 1833700053/HĐTDTHM ngày 03/12/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh rượu vang, thương mại rượu vang nhập khẩu, tổng hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời hạn vay không quá 9 tháng. Lãi suất được quy định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo lãi suất cho vay của từng đối tượng khách hàng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất trong năm là: 10,9%/năm.
- (e): Khoản vay các cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 10%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (f): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng cho vay 36_0/HĐTD/TLG/01 ngày 11 tháng 10 năm 2016 và hợp đồng cho vay 36_08.16/HĐTD/TLG ngày 31 tháng 8 năm 2016 để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất trong năm từ 9,4%/năm - 10,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (g): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Lãi suất trong năm là 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (h): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino - Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.
- (i): Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng từng lần số 1917800019/HĐTDTL ngày 28/06/2019 để thanh toán tiền mua xe ô tô Honda CR-V phiên bản E, mới 100% theo hợp đồng bán hàng số N0011905170612 ngày 17/05/2019, với gốc vay là: 764.800.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 8,49%/năm áp dụng cho 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1917800019/HĐTC ngày 28/06/2019.
- (k): Khoản nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính số 126.18.06/CTTCC ngày 06 tháng 11 năm 2018 để thuê máy dán nhãn rượu vang tự động, dán dạng vòng và bộ tùy chọn dán nhãn định vị theo logo. Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất trong năm là 11,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	26.370.161	26.370.161	3.830.738.551	3.830.738.551
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	3.427.543.350	3.427.543.350
b. Phải trả người bán dài hạn	26.370.161	26.370.161	403.195.201	403.195.201
	-	-	-	-
Cộng	<u>26.370.161</u>	<u>26.370.161</u>	<u>3.830.738.551</u>	<u>3.830.738.551</u>

14. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.026.303.464	332.054.193
- Công ty TNHH Thương mại Anh Minh	1.100.399.556	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Đức Thành	1.100.400.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Linh	1.100.400.000	-
- Hộ kinh doanh Nguyễn Bá Toàn	550.200.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Phương Hải	550.201.452	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.624.702.456	332.054.193
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.026.303.464</u>	<u>332.054.193</u>

Đơn vị tính: VND

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng/ giảm khác (*)	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	3.274.953.384	66.773.988	3.997.636.698	122.743.222	533.166.104	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	9.881.231.210	523.276.806	10.276.503.698	-	-	128.004.318
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.876.070	-	-	52.062.300	52.062.300	30.876.070	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	63.086.123	166.677.767	97.516.412	-	-	132.247.478
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.161.498.837	1.612.079.768	-	450.580.931	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-	(2.000.000)	2.000.000	-
Cộng	30.876.070	13.219.270.717	1.918.227.398	16.035.798.876	172.805.522	1.016.623.105	260.251.796

(*) Tăng/ giảm khác do hợp nhất báo cáo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thắng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	70.541.266
- Chi phí lãi vay	-	70.541.266
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	-	70.541.266

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	552.949.990	420.806.726
- Kinh phí công đoàn	45.663.122	21.107.917
- Bảo hiểm xã hội	88.097.188	115.653.893
- Bảo hiểm y tế	37.825.768	45.456.855
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.612.723	13.301.176
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	372.751.189	225.286.885
+ Cổ tức phải trả	66.695.515	57.034.439
+ Các đối tượng khác	306.055.674	168.252.446
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	552.949.990	420.806.726

18. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	860.036.364	1.808.239.395
- Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	860.036.364	1.808.239.395
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	860.036.364	1.808.239.395

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	-	45.674.798.586
Tăng vốn trong năm trước	10.099.920.000	-	-	-	10.099.920.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	13.742.283.453	-	13.742.283.453
Phân phối lợi nhuận	-	-	(13.339.920.000)	-	(13.339.920.000)
Số dư cuối năm trước	50.599.920.000	1.475.755.461	4.101.406.578	-	56.177.082.039
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	(5.657.387.609)	13.511	(5.657.374.098)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	599.231	599.231
Tăng khác	-	-	(5.099.030.245)	-	(5.099.030.245)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-
(*)	-	(1.475.755.461)	1.475.755.461	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	50.599.920.000	-	(5.179.255.815)	612.742	45.421.276.927

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/CPVTL-ĐHCD ngày 26 tháng 6 năm 2019, các cổ đông thông qua về các vấn đề sau :

- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận chưa phân phối để bổ sung chia cổ tức và trích lập các quỹ số tiền 1.475.755.461 đồng.
- Phân phối lợi nhuận :

Chia cổ tức

Bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi

Cộng**Từ 01/4/2019****đến 30/9/2019**

3.035.995.200

2.063.035.045

5.099.030.245

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.599.920.000	40.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	10.099.920.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.599.920.000	50.599.920.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.035.995.200	13.339.920.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.059.992	5.059.992
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu phổ thông	5.059.992	5.059.992
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.475.755.461
Cộng	-	1.475.755.461

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	16.500.000
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	44.380.000
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	24.750.000
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	35.000.000
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	4.000.000
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	20.900.000
- DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	13.377.901
- DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	35.875.176
- Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	98.455.456
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	6.768.400
- Khúc văn Đồng - Cửa hàng 26 Nguyễn Công Trứ	184.228.733	184.228.733
- XNSX hàng nhựa	2.288.962.808	2.288.962.808
- Cty CP Bao Bì Nhựa Thăng Long	85.000.000	85.000.000
Cộng	2.858.198.474	2.858.198.474

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Doanh thu bán hàng	28.290.355.217	19.273.381.980
- Doanh thu bán thành phẩm	193.819.444	279.132.222
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	693.096.986
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.095.433.273	1.906.816.457
- Doanh thu chuyển nhượng dự án	-	25.000.000.000
Cộng	30.579.607.934	47.152.427.645
Trong đó		
	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	652.582.319	-

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Chiết khấu thương mại	102.741.409	101.236.548
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	320.038.947	26.216.422
Cộng	422.780.356	127.452.970

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.245.842.316	19.643.943.930
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.138.302.216	222.144.874
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	416.347.989	190.507.294
- Chi phí chuyển nhượng dự án	-	2.060.937.610
Cộng	27.800.492.521	22.117.533.708

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.196.501	305.194.644
Cộng	17.196.501	305.194.644

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Lãi tiền vay	3.748.736.457	3.631.334.603
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.200.000.000
Cộng	3.748.736.457	4.831.334.603

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

06. Chi phí khác

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Các khoản bị phạt hành chính	12.516.678	244.163.446
- Các khoản khác	602.338	618.500
Cộng	13.119.016	244.781.946

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.107.991.586	3.584.249.233
- Chi phí nhân viên quản lý	894.636.256	662.436.313
- Chi phí đồ dùng văn phòng	71.551.220	79.577.518
- Chi phí khấu hao TSCĐ	38.423.755	21.597.413
- Thuế, phí và lệ phí	-	10.900.000
- Chi phí dự phòng	42.809.602	2.558.191.541
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.358.293	200.207.935
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	547.212.460	51.338.513
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.765.439.440	1.380.909.631
- Chi phí nhân viên	555.560.948	293.684.988
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.000.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	44.983.912	21.294.626
- Chi phí khấu hao TSCĐ	61.908.396	61.908.396
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	882.377.546	678.419.042
- Chi phí khác	220.608.638	324.602.579
Cộng	3.873.431.026	4.965.158.864

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	4.587.812.478
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	4.587.812.478

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.657.387.609)	10.583.622.244
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.657.387.609)	10.583.622.244
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.063.035.045
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.059.992	4.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.118)	2.104

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(5.657.387.609)	10.583.622.244
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.657.387.609)	10.583.622.244
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.063.035.045
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.059.992	4.050.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.118)	2.104

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.915.076.711	8.007.813.360
- Chi phí nhân công	4.441.072.895	3.453.599.762
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.597.722.531	1.099.474.714
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.908.582.023	1.025.966.888
- Chi phí khác	2.053.771.761	4.393.235.046
- Chi phí dự phòng	-	2.558.191.541
Cộng	17.916.225.921	20.538.281.311

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	261.596.985	141.744.661
Cộng	261.596.985	141.744.661

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Công ty liên kết đến ngày 08 tháng 7 năm 2019

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	652.582.319	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	652.582.319	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	13.179.767.802
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	-	13.179.767.802
Cộng nợ phải thu	-	13.179.767.802

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân lực;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất rượu	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và chuyển nhượng dự án	Cộng
Từ 01/4/2019 đến 30/9/2019					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	157.088.716	27.904.305.589	-	2.095.433.273	30.156.827.578
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	6.756.178.002	28.628.889.817	-	416.347.989	35.801.415.808
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(6.599.089.286)	(724.584.228)	-	1.679.085.284	(5.644.588.230)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	1.132.280.409	-	-	-	1.132.280.409
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.857.622.821	-	-	-	1.857.622.821
Số dư tại 30/9/2019					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	125.854.384.558	15.070.127.036	-	99.834.613	141.024.346.208
- Tài sản không phân bổ					6.668.636.562
Tổng tài sản	125.854.384.558	15.070.127.036	-	99.834.613	147.692.982.770
- Nợ phải trả bộ phận	93.983.223.195	6.999.998.703	-	959.661.195	101.942.883.093
- Nợ phải trả không phân bổ					328.822.750
Tổng nợ phải trả	93.983.223.195	6.999.998.703	-	959.661.195	102.271.705.843

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Từ 01/4/2018 đến 30/9/2018					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	151.679.252	19.273.381.980	693.096.986	26.906.816.457	47.024.974.675
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	954.911.432	22.985.276.708	136.038.276	7.532.606.115	31.608.832.531
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(803.232.180)	(3.711.894.728)	557.058.710	19.374.210.342	15.416.142.144
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	527.000.000	-	-	-	527.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	770.437.828	424.901.303	15.850.320	485.535.100	1.696.724.551
Số dư tại 30/9/2018					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.644.927.354	47.562.245.130	1.710.402.916	66.399.794.357	129.317.369.757
- Tài sản không phân bổ					6.324.453.212
Tổng tài sản	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	135.641.822.969
- Nợ phải trả bộ phận	271.872.479	34.545.938.492	1.242.318.856	48.228.236.604	84.288.366.431
- Nợ phải trả không phân bổ					398.070.753
Tổng nợ phải trả	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	84.686.437.184

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.040.470.458	-	4.418.018.988	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.987.695.688	(348.634.639)	20.037.146.269	(348.634.639)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn ^(a)	1.200.000.000	(780.000.000)	1.200.000.000	(780.000.000)	420.000.000	420.000.000
Cộng	15.228.166.146	(1.128.634.639)	25.655.165.257	(1.128.634.639)	(*)	(*)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	26.370.161	3.830.738.551	(*)	(*)
Vay và nợ	93.593.635.477	62.561.636.569	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	70.541.266	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	119.366.187	168.252.446	(*)	(*)
Cộng	93.739.371.825	66.631.168.832	(*)	(*)

- (a) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư dài hạn là giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM là 4.200 đồng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 100.000 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2019. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Thăng Long do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**05. Tài sản đảm bảo*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	11.439.545.477	949.549.131	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	392.006.221	
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng			
TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.085.448.008	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	5.575.610.031	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	320.166.442	
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đông Nam Á - CN Hà Nội			
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.007.050.909	982.968.319	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Cộng	26.280.286.215	10.305.748.152	
Số đầu năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	11.439.545.477	988.995.267	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	439.778.485	
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP			
Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.178.781.344	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	5.965.212.951	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	351.744.520	
Tổng cộng	25.273.235.306	9.924.512.567	

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	26.370.161	-	-	26.370.161
Vay và nợ	91.840.034.673	1.087.550.822	666.049.982	93.593.635.477
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	119.366.187	-	-	119.366.187
Cộng	91.985.771.021	1.087.550.822	666.049.982	93.739.371.825
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.830.738.551	-	-	3.830.738.551
Vay và nợ	60.213.599.688	2.348.036.881	-	62.561.636.569
Chi phí phải trả	70.541.266	-	-	70.541.266
Các khoản phải trả khác	168.252.446	-	-	168.252.446
Cộng	64.283.131.951	2.348.036.881	-	66.631.168.832

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 đã được kiểm toán bởi và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được soát xét Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đinh Tiến Thành